

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẮNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2022/HNGĐ-ST

Ngày 01-04-2022.

V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Như Quỳnh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Doãn Đức Hùng và bà Đào Thị Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Cao Văn Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 10/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2022, về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Ngô Thị Kiều T, Sinh năm: 1973
HKTT tại: Đường số 11, ấp Q, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai
Trú tại: Số 32/1, ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai
- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Trí M, sinh năm: 1970
HKTT tại: Đường số 11, ấp Q, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai
Trú tại: Số 32/1, ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai

(Bà T, ông M vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại phiên tòa hôm nay bà Ngô Thị Kiều T có đơn xin xét xử vắng mặt. Tuy nhiên trong đơn khởi kiện, trong quá trình chuẩn bị xét xử bà T trình bày:**

Bà và ông Nguyễn Trí M tự nguyện yêu thương và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai, vào ngày 17/7/2000, quyền số 01/2000, số 52.

Cuộc sống chung không hạnh phúc, đã sống ly thân hơn 2 năm nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung của ai. Bà và ông M không tìm được tiếng nói

chung, thường xuyên cãi vã lẫn nhau, trước đây bà cũng nộp đơn xin ly hôn với ông M hai lần nhưng vì muốn cho cả hai cơ hội để hòa giải đoàn tụ nên bà rút đơn. Tuy nhiên, đến nay tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông M.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 con chung là Nguyễn Thị Thu P, sinh ngày 08/10/1996. Con chung đã thành niên, đủ khả năng lao động nên bà T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Bà T khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T khai không có.

*** Tại bản tự khai ngày 14/02/2022; Biên bản lấy lời khai đối chất ngày 21/02/2022; Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 16/3/2022 ông Nguyễn Trí M trình bày:**

Ông và bà Ngô Thị Kiều T tự nguyện yêu thương và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai, vào ngày 17/7/2000, quyền số 01/2000, số 52.

Ông đồng ý ly hôn với bà T vì cuộc sống chung không hạnh phúc, thường cãi vã nhau, tình cảm dành cho nhau không còn, vợ chồng cũng đã sống ly thân hơn hai năm nay. Đúng là trước đây bà T cũng đã nộp đơn xin ly hôn hai lần rồi nhưng sau đó xin rút đơn để vợ chồng đoàn tụ nhưng không được. Tuy nhiên ông không ký vào biên bản thuận tình ly hôn vì ông là người theo đạo Công giáo ông đề nghị Tòa án cứ xét xử theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 con chung là Nguyễn Thị Thu P, sinh ngày 08/10/1996. Con chung đã thành niên, đủ khả năng lao động nên Tôi không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết

Về tài sản chung: Ông M khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông M khai không có.

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phát biểu ý kiến:**

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Tòa án chấp nhận cho bà Ngô Thị Kiều T được ly hôn với ông Nguyễn Trí M.

Về con chung: Bà T và ông M có một con chung là Nguyễn Thị Thu P, sinh ngày 08/10/1996. Con chung đã thành niên, đủ khả năng lao động, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung các đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Bà Ngô Thị Kiều T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai giải quyết ly hôn của bà với ông Nguyễn Trí M vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho nguyên đơn bà Ngô Thị Kiều T, bị đơn ông Nguyễn Trí M, tại phiên tòa bà T, ông M vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự phiên tòa vẫn được tiến hành.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị Kiều T và ông Nguyễn Trí M kết hôn năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai, hôn nhân tự nguyện nên được coi là hôn nhân hợp pháp. Nay bà T xin ly hôn, Tòa án căn cứ Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

2.1.1. Xét yêu cầu ly hôn của bà Ngô Thị Kiều T thì thấy: Mâu thuẫn giữa vợ chồng của bà T và ông M đã trầm trọng, cụ thể vợ chồng thường cãi vã xúc phạm lẫn nhau, vợ chồng đã sống ly thân hai năm nay. Tình cảm bà T dành cho ông M không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, bản thân ông M cũng thừa nhận vợ chồng ông chung sống không có hạnh phúc, tình cảm dành cho nhau không còn, ông cũng đồng ý ly hôn với bà T, nhưng không đồng ý lý vào biên bản thuận tình ly hôn.

Qua những phân tích trên thể hiện cuộc sống hôn nhân của bà T và ông M không có sự yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng. Mâu thuẫn gia đình giữa bà T và ông M đã nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả, dẫn đến cuộc sống chung không hạnh phúc Xét thấy mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân của bà T, ông M đã trầm trọng, không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu của bà T về việc yêu cầu ly hôn với ông M.

2.2. Về con chung: Bà T và ông M có một con chung là Nguyễn Thị Thu P, sinh ngày 08/10/1996. Con chung đã thành niên, đủ khả năng lao động, các

đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

2.3. Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2.5. Về án phí: Buộc bà T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Xét đề nghị nêu trên của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom thì thấy phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 và Điều 238; Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56; Khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Kiều T. Cho bà Ngô Thị Kiều T được ly hôn với ông Nguyễn Trí M.

2. Về con chung: Bà T và ông M có một con chung là Nguyễn Thị Thu P, sinh ngày 08/10/1996. Con chung đã thành niên, đủ khả năng lao động, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Ngô Thị Kiều T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn số tiền này được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu số 0000380 ngày 04/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Bà T đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Ngô Thị Kiều T và ông Nguyễn Trí M có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Trảng Bom;
- UBND xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai, vào ngày 17/7/2000, quyền số 01/2000, số 52. ;
- Chi cục T.H.A. dân sự huyện Trảng Bom;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Như Quỳnh

